

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HSST
Ngày 23 tháng 4 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Trần Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thị T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 13 tháng 11 năm 1981 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn C, sinh năm 1940; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952 hiện ở xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Chồng: Nguyễn Đình C1 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2000.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án. Tại bản án số 26/2021/HS-ST ngày 22/4/2021, Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội Chứa mại dâm.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 18/2013/HSST ngày 21/3/2013, Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Môi giới mại dâm, phạt bổ sung 5.000.000đ. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/12/2023. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 20/12/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ tên: **Trần Minh Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1989 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12

Bố đẻ: Trần Văn Đ1, sinh năm 1967; Mẹ đẻ: Đinh Thị S, sinh năm 1969 hiện ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Trần Thị Diệu H2, sinh năm 1997, hiện ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Tại bản án số 301/2008/HSST ngày 19/12/2008, Trần Minh Đ bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội Cướp tài sản. Đông đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

+ Tại bản án số 78/2017/HSST ngày 10/5/2017, Trần Minh Đ bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 8 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đông chấp hành xong hình phạt ngày 04/9/2017 và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/12/2023. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 20/12/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/12/2023, Công an huyện C nhận được tin báo của Công an xã S, huyện C về việc Nguyễn Thị T – sinh năm 1981, trú tại: khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

có hành vi mua bán số lô, số đề với người khác thông qua điện thoại và mạng xã hội zalo. Cùng ngày Nguyễn Thị T đã tự nguyện đến Công an huyện C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5 màu bạc đã cũ, T khai nhận đây là điện thoại T sử dụng để mua số lô, số đề và khai nhận hành vi mua số lô, số đề của Trần Minh Đ – sinh năm 1989, trú tại: khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 10/12/2023 với số tiền mua số lô, số đề là: 4.420.000đ và số tiền trúng lô là: 4.800.000đ, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là: **9.220.000đ**.

Ngày 17/12/2023, Trần Minh Đ đến Công an huyện C đầu thú, khai nhận hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị T thông qua mạng xã hội zalo ngày 10/02/2023. Do vậy cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định tạm giữ đối với Đ. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Minh Đ tại khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét thu giữ 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi các chữ số tự nhiên, Đ khai nhận đây là tờ giấy Đông ghi các số lô, số đề đã bán cho T.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Khoảng đầu tháng 12/2023, Trần Thị T2 đang ngồi bán nước tại khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ thì có Trần Minh Đ đến uống nước và nói với T2 là nếu có nhu cầu mua số lô, số đề thì nhắn tin cho Đ, thông qua ứng dụng zalo. Đ sẽ bán cho T2 với giá: 22.000đ/ 1 điểm lô và khuyến mãi 20% tổng số tiền mua số đề, T2 đồng ý. Sau đó, T2 và Đ cùng trao đổi tài khoản zalo với nhau. T2 sử dụng ứng dụng zalo có tài khoản là “Hoai Thu” được cài đặt trên điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 kết bạn với tài khoản zalo của Đ là “Lan A”. Nên vào hồi 17 giờ 55 phút ngày 10/12/2023, khi Đ đang ở nhà tại khu T, xã C, huyện C thì thấy T2 sử dụng tài khoản zalo là “Hoai Thu” nhắn 02 tin đến tài khoản zalo của Đ là “L” được cài đặt trên điện thoại di động S1 S8 để mua số lô, số đề, cụ thể:

Tin nhắn thứ nhất: Thu mua của Đ các số lô 70x 50 điểm, các số lô 22, 66, 38, 83, 23, 32, 34, 43, 35, 53, 01, 10, 69, 96 mỗi số 10 điểm, tổng số tiền Thu mua số lô của Đ là 4.180.000đ.

Tin nhắn thứ hai: Thu mua của Đ các đề: 34, 43, 39, 93, 48, 84, 89, 98 mỗi số 30.000đ, tổng số tiền Thu mua số đề của Đ là 240.000đ.

Sau khi nhận được tin nhắn từ T2, Đ thả tim vào 2 tin nhắn và nhắn lại cho T2 “2” có nghĩa là Đ đồng ý bán các số lô, số đề cho T2 trong hai tin nhắn mà T2 đã gửi cho Đ thông qua ứng dụng zalo. Đồng thời Đông ghi các số lô, số đề mà T2 đã mua vào 01 tờ giấy kẻ ngang để theo dõi.

Như vậy, tổng số tiền Thu mua số lô, số đề của Đ là 4.420.000đ, Đ khuyến mại cho T2 20% tổng số tiền mua số đề nên T2 chỉ phải trả cho Đ số tiền 4.372.000đ. Số tiền trên, T2 và Đ thống nhất sau khi có kết quả xổ số miền B mở thưởng cùng ngày thì sẽ thanh toán. Sau khi bán số lô, số đề xong, Đ giữ lại bảng đề mà không chuyển

cho ai khác. Ngày 10/12/2023 cũng là ngày đầu tiên Đông bán số lô, số đề, ngoài bán số lô, số đề cho T2, Đ không bán cho ai khác.

Các đối tượng lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề. Các đối tượng quy định hình thức mua bán số lô, số đề cụ thể như sau:

Số đề có hai chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều số tự nhiên từ 00 đến 99, mức tiền mua tùy ý, rồi chờ đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó, nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua thắng bạc và được trả gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó, nếu không trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua thua bạc và mất số tiền đã mua.

Số lô: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số gồm 2 số tự nhiên bất kỳ (cặp số từ 00 đến 99), mức mua tính theo “điểm”, mỗi điểm được bán với giá 22.000đ (hai mươi hai nghìn đồng). Sau đó, so sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày; nếu số lô đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua trúng lô và thắng bạc. Nếu trong các giải thưởng có hai số cuối trùng nhiều lần với số lô của người mua thì người đó được trúng lô nhiều lần, khi trúng lô người mua được trả 80.000đ (tám mươi nghìn đồng)/điểm, nếu không trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua thua bạc và mất số tiền đã mua.

Nên đến 18 giờ 30 phút 10/12/2023, Đông so sánh các số lô, số đề mà T2 đã mua với kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hàng ngày thì T2 trúng 50 điểm số lô 70, 10 điểm số lô 69, tổng số tiền T2 trúng lô là 4.800.000đ, sau khi trừ tiền mua số lô, số đề và tiền khuyến mãi, T2 thắng bạc 428.000đ. Tuy nhiên, do trước đó T2 có vay tiền của Đ nên Đ đã trừ tiền T2 nợ Đ.

Ngày 20/12/2023, Trần Minh Đ tự nguyện giao nộp số tiền 4.848.000đ, Nguyễn Thị T tự nguyện giao nộp số tiền 4.372.000đ, Đ và T khai nhận đây là số tiền cả hai sử dụng vào việc mua bán số lô, số đề.

Đối với chiếc điện thoại di động Samsung S8 màu xanh Đ sử dụng để mua bán số lô, số đề Đ đã làm mất khi đi xuống Hà Nội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không thu giữ được.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT- VKSCK ngày 21 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Minh Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Minh Đ phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 26/2021/HS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (Bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo), buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của lần phạm tội trước (từ 25/12/2020 đến 09/02/2021) và lần phạm tội này (từ 17/12/2023 đến 20/12/2023). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh Đ từ 20 đến 23 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 17/12/2023 đến ngày 20/12/2023) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đông. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Minh Đ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Minh Đ cho UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Buộc bị cáo Trần Minh Đ trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với mỗi bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tờ giấy kê ngang có ghi các số tự nhiên thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Minh Đ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5 màu bạc đã cũ thu giữ của T và số tiền 9.220.000đ (chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 phôi sim số 0975.901.126 thu của Nguyễn Thị T.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Minh Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu được phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Việc đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị T diễn ra vào ngày 10/12/2023 với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.220.000đ (chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) là do Trần Minh Đ thực hiện.

Về vai trò của các đồng phạm: Trong vụ án này, Nguyễn Thị T và Trần Minh Đ đều là những người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mà không có đồng phạm nào khác.

Hành vi của các bị cáo Trần Minh Đ, Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Đánh bạc”.
Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“ 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bởi lẽ vấn nạn cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng vì vậy đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân:

[4.1.1] Bị cáo Trần Minh Đ:

Tại bản án số 301/2008/HSST ngày 19/12/2008, Trần Minh Đ bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội Cướp tài sản. Đông đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Tại bản án số 78/2017/HSST ngày 10/5/2017, Trần Minh Đ bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 8 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đông chấp hành xong hình phạt ngày 04/9/2017 và được xóa án tích.

[4.1.2] Bị cáo Nguyễn Thị T: Tại bản án số 18/2013/HSST ngày 21/3/2013, Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Môi giới mại dâm, phạt bổ sung 5.000.000đ. T đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị T có 01 tiền án. Tại bản án số 26/2021/HS-ST ngày 22/4/2021, Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội Chứa

mai dâm. Đến ngày 10/12/2023, T chưa chấp hành xong bản án nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Minh Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Minh Đ, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Trần Minh Đ sau khi phạm tội đã đến Công an huyện C đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Thị T có ông ngoại là ông Nguyễn Văn C2 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, có bà ngoại là bà Hà Thị D được nhà nước tặng thưởng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” vì đã có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc nên bị cáo T, bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T có 01 tiền án mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Vì vậy cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội và áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Minh Đ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy có thể áp dụng một mức hình phạt không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương, về tội bị cáo đã thực hiện, nhất thể cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng gì và đều là lao động tự do thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Minh Đ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 tờ giấy kê ngang có ghi các số tự nhiên thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Minh Đ. Đây là vật chứng của vụ án cần lưu theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5 màu bạc đã cũ thu giữ của T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai sử dụng vào việc nhắn tin mua các số lô, số đề dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 pin sim số 0975.901.126 được lắp trong điện thoại OPPO Reno 5. Bị cáo Nguyễn Thị T đề nghị tiêu hủy. Xét thấy đây là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động Samsung S8 màu xanh Đ sử dụng để mua bán số lô, số đề Đ đã làm mất khi đi xuống Hà Nội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với số tiền 4.372.000đ do Nguyễn Thị T tự nguyện giao và số tiền 4.848.000đ do Trần Minh Đ tự nguyện giao nộp. Tổng là 9.220.000đ (chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Đây là khoản tiền do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[I] Về tội danh:

Áp dụng Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Minh Đ phạm tội “Đánh bạc”.

II, Về hình phạt:

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 26/2021/HS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (Bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo), buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Bị cáo

được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của lần phạm tội trước (từ 25/12/2020 đến 09/02/2021) và lần phạm tội này (từ 17/12/2023 đến 20/12/2023). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh Đ 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 17/12/2023 đến ngày 20/12/2023) quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 19 (Mười chín) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đông. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Minh Đ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Minh Đ cho UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Buộc bị cáo Trần Minh Đ trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với mỗi bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

[III] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi các số tự nhiên thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Minh Đ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5 màu bạc đã cũ thu giữ của T và số tiền 9.220.000đ (chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 phôi sim số 0975.901.126 thu của Nguyễn Thị T.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

[IV] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Minh Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã Sơn Tình, huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền